

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐÀO SƠN TÂY

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐÀO SƠN TÂY

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Hoàng Thị Hảo	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Đỗ Văn Đông	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Trần Thị Minh Đức	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Văn Vi Hồng	Thư ký Hội đồng trường	Thư ký Hội đồng	
5	Lê Thị Việt Hà	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên	
6	Lại Hoàng Hiệp	Bí thư Chi đoàn Giáo viên	Thành viên	
7	Lê Đặng Thảo Nhi	Trợ lý Thanh niên	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Thủy	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
9	Hoàng Thị Vinh	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
10	Phạm Nguyễn Mỹ Nhật	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
11	Nguyễn Văn Ngải	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
12	Trịnh Phạm Thu Thúy	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
MỤC LỤC	1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	3
PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	12
Mở đầu	12
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	12
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	14
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	16
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	19
Tiêu chí 1.5: Lớp học	21
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	23
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	25
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	26
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	28
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	29
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	31
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	33
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	34
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	37
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	38
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	40

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học	41
Mở đầu	41
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	41
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	43
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	45
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	46
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	48
Tiêu chí 3.6: Thư viện	50
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	52
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	52
Mở đầu	52
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	53
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	55
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	56
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	57
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	60
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	61
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	63
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	65
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	67
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	70
PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG	71
PHẦN IV. PHỤ LỤC	1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	–
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	–
Tiêu chí 1.8		X	X	–
Tiêu chí 1.9		X	X	–
Tiêu chí 1.10		X	X	–
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	–

Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	–
Tiêu chí 5.4		X	X	–
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X		

Kết quả: Đạt mức 1

2. Kết luận: Đạt mức 1

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: **TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐÀO SƠN TÂY**

Tên trước đây: **TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐÀO SƠN TÂY**

Cơ quan chủ quản: **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Hoàng Thị Hảo
Huyện/Thành phố /thị xã / thành phố	Thủ Đức	Điện thoại	02837246440
Xã / phường/thị trấn	Linh Xuân	Fax	02837246961
Đạt CQG	Không có	Website	thptdaosontay.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	18/7/2013	Số điểm trường	1
Công lập	x	Loại hình khác	Không có
Tư thực	Không có	Thuộc vùng khó khăn	Không có
Trường chuyên biệt	Không có	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không có
Trường liên kết với nước ngoài	Không có		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 10	17	16	15	14	13
Khối lớp 11	12	15	14	14	14
Khối lớp 12	11	12	14	13	13
Cộng	40	43	43	41	40

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	61	61	61	60	60	
1	Phòng học	45	45	45	43	43	
a	Phòng kiên cố	45	45	45	43	43	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng bộ môn	10	10	10	11	11	
a	Phòng kiên cố	10	10	10	11	11	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	6	6	6	6	6	
a	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5	
b	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	11	11	11	12	12	
1	Phòng kiên cố	11	11	11	12	12	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	5	5	5	5	5	
	Cộng	78	78	78	78	78	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 01/2021

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó Hiệu trưởng	2	1	0	0	2	0	
Giáo viên	86	60	3	0	66	20	
Nhân viên	13	10	0	0	13	0	
Cộng	102	72	3	0	81	21	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Tổng số giáo viên	82	83	84	85	86
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,91	1,93	1,95	2,07	2,15
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1655	1729	1724	1723	1667	
	- Nữ	843	887	898	904	872	
	- Dân tộc	33	40	29	21	28	
	- Khối lớp 10	682	636	600	609	532	

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
	- Khối lớp 11	515	611	567	570	566	
	- Khối lớp 12	458	482	557	544	569	
2	Tổng số tuyển mới	703	650	578	604	528	
3	Học 2 buổi/ ngày	1655	1729	1724	1723	1667	
4	Bán trú	455	718	844	860	891	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/ lớp học	41,38	40,21	40,09	42,02	41,68	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Nữ	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Dân tộc	100%	100%	100%	100%	100%	
8	Tổng số học sinh giỏi Thành phố/tỉnh (nếu có)	4	2	2	12	0	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	118	139	119	75	73	
	- Nữ	73	77	64	34	38	
	- Dân tộc	4	7	4	4	3	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021 (HKI)	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	7,31	5,03	5,63	14,3	10,2	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	36,68	41,12	42,81	59,7	54,29	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	9,67	8,5	7,38	0,99	6,34	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	73,72	68,13	62,06	92,2	84,88	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	21,81	23,13	26,22	6,3	9,72	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	3,38	6,82	7,66	1,5	3,48	

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung về nhà trường:

Trường trung học phổ thông Đào Sơn Tây tọa lạc tại số 53/5, đường 10, khu phố 3, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường được thành lập theo Quyết định số 3919/QĐ/UBND, ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường có tổng diện tích 12.304 m², được xây dựng khang trang, thoáng mát, yên tĩnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập.

Cơ sở vật chất của nhà trường đầy đủ phòng học, phòng chức năng, phòng bộ môn với trang thiết bị đáp ứng tốt cho hoạt động giảng dạy của nhà trường. Khuôn viên nhà trường luôn được đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Trường là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới trở thành một trong những đơn vị có chất lượng giáo dục cao trong thành phố Thủ Đức. Nhà trường đang từng bước cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả, phấn đấu đến năm 2025 trở thành đơn vị có phong trào giáo dục xuất sắc.

Về mục tiêu: xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu trung hạn: phấn đấu đến năm 2021 trở thành trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng, khẳng định thương hiệu nhà trường trên địa bàn của thành phố Thủ Đức.

Mục tiêu dài hạn: đến năm 2025, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- + Chất lượng giáo dục được khẳng định trường có chất lượng cao của thành phố Thủ Đức, đạt tập thể lao động xuất sắc.
- + Duy trì đạt trường chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2020-2025.
- + Có quy mô ổn định và phát triển.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành ủy Thủ Đức, Đảng ủy chính quyền và nhân dân phường Linh Xuân. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đoàn kết, gắn bó, tận tụy với công việc, thương yêu học sinh. Đội ngũ giáo viên năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm nên chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng tốt hơn.

Trong giai đoạn hiện nay, với xu hướng hội nhập quốc tế, giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc

xây dựng một nền kinh tế tri thức, mỗi trường phổ thông cần xác định cụ thể những tiêu chí về chất lượng giáo dục cần đạt. Thực hiện theo công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá, trường trung học phổ thông Đào Sơn Tây đã tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng đơn vị theo quy định.

2. Mục đích tự đánh giá:

Nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

Trường giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường; để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá:

Quy trình tự đánh giá:

- Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Bước 2. Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.
- Bước 3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- Bước 4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
- Bước 5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Bước 6. Viết báo cáo tự đánh giá.
- Bước 7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp đánh giá:

- +Nghiên cứu Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tài liệu văn bản hướng dẫn;
- + Dự tập huấn công tác tự đánh giá do ngành tổ chức;
- +Thành lập Hội đồng tự đánh giá và thực hiện các quy trình tự đánh giá;

Công cụ đánh giá: Thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL, về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường trung học phổ thông Đào Sơn Tây có cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học, bao gồm: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, các Hội đồng trong trường học, tổ chức cơ sở Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, các Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng. Các tổ chức trong nhà trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà trường đã xây dựng quy chế làm việc; thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục; quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế và quy định của Điều lệ trường trung học từ đó nâng cao chất lượng giáo dục.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

- a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*
- b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*
- c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định theo Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường. [H1-1.1-01]

b) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt năm 2016 và năm 2020. [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2016 – 2021 niêm yết trong kế hoạch năm học 2016 – 2017, được công khai trong hội đồng sư phạm và niêm yết tại bảng tin nhà trường [H1-1.1-02].

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 được niêm yết tại bảng tin nhà trường; thông báo công khai thông qua các phiên họp của Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm, các tổ chức đoàn thể chính trị trong nhà trường và được công bố rộng rãi trên trang website <https://thptdaosontay.hcm.edu.vn> [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp thực hiện giám sát, rà soát chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường thông qua phương hướng nhiệm vụ, báo cáo sơ kết, tổng kết từng năm học. [H1-1.1-03]

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Đã tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh. [H1-1.1-04]

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng đã xây dựng chiến lược phát triển nhà trường năm 2016 và 2020. Trong quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường, lãnh đạo đơn vị luôn bám sát thực tiễn để có các điều chỉnh cho phù hợp. Thông qua các cuộc họp, các kênh thông tin, lãnh đạo nhà trường tiếp nhận các ý kiến đóng góp và tiếp tục bổ sung vào chiến lược phát triển của nhà trường những giải pháp phù hợp và khả thi.

3. Điểm yếu

Việc tham gia rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường của học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, Hiệu trưởng rà soát, đánh giá lại các nguồn lực của nhà trường để kịp thời bổ sung, khắc phục những hạn chế, thiếu sót phát sinh trong quá trình thực hiện chiến lược. Chú trọng việc lấy ý kiến đóng góp rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường của học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường trung học phổ thông Đào Sơn Tây được thành lập theo điều 20, Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 và điều 10, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.2-01].

Các hội đồng khác gồm có: Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm đề tài, sáng kiến kinh nghiệm, chấm thi giáo viên giỏi [H1-1.2-03]; Hội đồng kỷ luật [H1-1.2-04]; Hội đồng coi và chấm kiểm tra, coi và chấm kiểm tra lại [H1-1.2-05]; Hội đồng xét đề nghị nâng lương, nâng lương trước hạn [H1-1.2-06]; Hội đồng tuyển sinh 10 [H1-1.2-07].

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.

Hội đồng trường thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 10, Điều lệ trường trung học. Hội đồng trường đã quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về chủ

trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường. Hội đồng trường còn giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường. [H1-1.2-08]

Các hội đồng khác thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 12 Điều lệ trường trung học: hồ sơ Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm đề tài, sáng kiến kinh nghiệm, chấm thi giáo viên giỏi [H1-1.2-03]; Hội đồng kỷ luật [H1-1.2-04]; Hội đồng coi và chấm kiểm tra, coi và chấm kiểm tra lại [H1-1.2-05]; Hội đồng xét đề nghị nâng lương, nâng lương trước hạn [H1-1.2-06]; Hội đồng tuyển sinh 10 [H1-1.2-07].

c) Các hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường được định kỳ rà soát, đánh giá nên hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường thể hiện qua:

Báo cáo sơ kết học kỳ, tổng kết năm học [H1-1.2-09].

Biên bản sinh hoạt và nghị quyết của hội đồng trường [H1-1.2-08], [H1-1.2-10]

Biên bản của các hội đồng có nội dung liên quan [H1-1.2-08].

Mức 2:

Hội đồng trường, hội đồng thi đua, khen thưởng, hội đồng kỷ luật và các hội đồng khác luôn hoạt động một cách khoa học, hiệu quả, tích cực, giúp cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, bảo đảm đúng tiến độ, đúng mục tiêu và có hiệu quả. Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm tính khách quan, trung thực góp phần thúc đẩy chất lượng giáo dục của đơn vị, nhờ đó nhà trường luôn hoàn thành tốt các cuộc vận động và các cuộc thi. [H1-1.2-08], [H1-1.2-09].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định. Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đội ngũ giáo viên trẻ yêu nghề, nhiệt huyết, năng động, sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm cao.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, đánh giá các hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác của nhà trường còn chưa kịp thời nên việc thực hiện nội quy, nề nếp của học sinh chưa nghiêm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo định kỳ đánh giá các hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường theo quý để hoạt động của Hội đồng trường hiệu quả hơn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các hội đồng trong nhà trường; chú trọng đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, tính chủ động và hiệu quả của các hội đồng, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) Hoạt động theo quy định;*
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định:

Chi bộ Trường trung học phổ thông Đào Sơn Tây có 26 đảng viên, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thành ủy Thủ Đức đã lãnh đạo toàn diện, giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ. Hằng năm Chi bộ đều hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong năm 2019 và 2020 chi bộ được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Thành ủy Thủ Đức tặng giấy khen đơn vị hoàn thành xuất sắc công tác Đảng. [H1-1.3-13], [H1-1.3-14], [H1-1.3-15], [H1-1.3-16], [H1-1.3-17].

Công đoàn nhà trường có 102 công đoàn viên, trực thuộc Công đoàn Ngành giáo dục thành phố, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoạt động công đoàn đạt thành tích “Công đoàn xuất sắc” trong nhiều năm. [H1-1.3-03], [H1-1.3-09], [H1-1.3-18]

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm có 891 đoàn viên, dưới sự chỉ đạo của Chi bộ và Thành đoàn Thủ Đức nhiều năm liền đạt danh hiệu “Tổ chức Đoàn xuất sắc”. [H1-1.3-10], [H1-1.3-11], [H1-1.3-19], [H1-1.3-20], [H1-1.3-21]

Nhà trường có chi hội khuyến học được thành lập theo quyết định và hoạt động theo quy định Điều lệ trường trung học. [H1-1.3-04], [H1-1.3-12], [H1-1.3-21]

b) Hoạt động của các tổ chức:

Nhà trường xây dựng quy chế làm việc, định hướng nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận trong nhà trường. [H1-1.3-22]

Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức khác trong nhà trường hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động trong từng năm học, theo đúng phạm vi chức trách và quyền hạn, bám sát nhiệm vụ cụ thể theo quy chế làm việc của nhà trường. [H1-1.3-05], [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-08]. Ngoài ra, Công đoàn và Đoàn thanh niên còn làm tốt nhiệm vụ tư vấn, tham mưu cho hiệu trưởng trong việc xây dựng, điều chỉnh các kế hoạch năm học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. [H1-1.2 -08]

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá:

Sau mỗi quý, mỗi học kỳ, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và chi hội khuyến học đều thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động của mình theo quy định. [H1-1.3-09], [H1-1.3-10], [H1-1.3-11], [H1-1.3-12]

Mức 2:

a) Chi bộ nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; Chi bộ hiện có 26 đảng viên, cấp ủy chi bộ gồm: 01 bí thư, 01 phó bí thư và 01 chi ủy viên. Trong 05 năm liên tiếp, chi bộ nhà trường được đánh giá từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Năm 2019, 2020

chi bộ nhà trường được đánh giá chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H1-1.3-13], [H1-1.3-17]

STT	Năm	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ
1	2016		x		
2	2017		x		
3	2018			x	
4	2019	x			
5	2020	x			

b) Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường như Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, chi hội khuyến học đều có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường. [H1-1.3-09], [H1-1.3-10], [H1-1.3-11], [H1-1.3-12]

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 01 năm hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

Trong 05 năm liên tiếp, chi bộ nhà trường được đánh giá: Năm 2019, 2020 đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; năm 2018 đạt hoàn thành nhiệm vụ; các năm còn lại đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-17].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, chi hội khuyến học đều có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-18], [H1-1.3-19], [H1-1.3-20], [H1-1.3-21]. Tuy nhiên, do nhà trường tổ chức học 2 buổi/ngày nên thời gian tổ chức các hoạt động còn hạn chế, việc tổng kết đánh giá sau mỗi hoạt động đôi khi chưa kịp thời.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các tổ chức đoàn thể: Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Các tổ chức đoàn thể đã hoạt động tích cực theo đúng điều lệ của từng tổ chức, giúp cho việc điều hành các hoạt động của nhà trường được thuận lợi, cải tiến được chất lượng giáo dục, nâng cao hiệu quả của các hoạt động.

3. Điểm yếu

Nhà trường tổ chức học 2 buổi/ngày nên thời gian tổ chức các hoạt động còn hạn chế, việc tổng kết đánh giá sau mỗi hoạt động đôi khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu bộ máy tổ chức theo Điều lệ trường trung học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hiệu trưởng nhà trường sẽ quy định rõ ràng, cụ thể hơn nữa về việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của các tổ chức đoàn thể. Đồng thời tổ chức đánh giá, nhận xét định kỳ về tiến độ hoàn thành công việc của các bộ phận bằng văn bản. Chỉ đạo bên chuyên môn nghiên cứu, sắp xếp công việc phù hợp hơn cho các giáo viên kiêm nhiệm, tạo điều kiện về thời gian giúp họ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bên cạnh đó, hiệu trưởng nghiên cứu kỹ các văn bản để có những chính sách đãi ngộ phù hợp, vừa đảm bảo đúng quy định, vừa khích lệ thu hút được người có năng lực phụ trách các đoàn thể.

Thường xuyên rà soát, cải tiến các nội dung cho phù hợp với thực tế đơn vị và đáp ứng được yêu cầu công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường trung học phổ thông Đào Sơn Tây có 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh quyết định bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.4-01], [H1-1.4-02].

b) Nhà trường có 09 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng. Mỗi tổ chuyên môn đều có 01 tổ trưởng do Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm, cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn được quy định tại điều 14 Điều lệ trường trung học [H1-1.4-03]. Cơ cấu tổ chức của tổ văn phòng được quy định tại điều 15 Điều lệ trường trung học [H1-1.4-04].

c) Đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch hoạt động của nhà trường, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng tháng và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điều 14 và 15 Điều lệ trường trung học. [H1-1.4-05]

Tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt định kỳ 02 lần/tháng để thảo luận, thống nhất các nội dung về chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-08].

Tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và hỗ trợ các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện từ 01 chuyên đề trở lên về đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-09].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được hiệu trưởng, phó hiệu trưởng định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh thông qua hoạt động kiểm tra nội bộ của nhà trường. [H1-1.4-08], [H1-1.4-10]

Mỗi học kỳ đều có các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.4-11].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường.

Hằng năm, tổ chuyên môn chủ động trong việc lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, chú trọng bồi dưỡng nguồn nhân lực tham gia các kỳ thi cấp Thành phố [H1-1.4-05]. Các hoạt động trên đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập của thầy và trò. [H1-1.2-09].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Hoạt động tổ chuyên môn hàng năm đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ: Học sinh tham gia các kỳ thi cấp thành phố đạt giải tăng về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên việc thực hiện chuyên đề ở một số tổ chuyên môn hiệu quả chưa cao. [H1-1.4-11]

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường thực hiện theo quy định của Điều lệ trường trung học. Quản lý nhà trường có tâm, có tầm, sâu sát thực tế, tổ chức chỉ đạo khoa học, hiệu quả, thường xuyên kiểm tra giám sát các hoạt động chuyên môn để kịp thời nắm bắt và điều chỉnh.

Các tổ chuyên môn hoạt động hiệu quả, có nhiều ý tưởng, tích cực và chủ động đổi mới, hội nhập.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện chuyên đề ở một số tổ chuyên môn hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, tập trung vào đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy coi hoạt động bồi dưỡng, phát triển năng khiếu học sinh là hoạt động mũi nhọn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Lãnh đạo nhà trường thường xuyên tham dự các buổi sinh hoạt chuyên đề của các tổ, dự giờ thăm lớp, chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao chất lượng tổ bộ môn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba

mười lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các lớp theo cấp học theo quy định của Điều 16 Điều lệ trường trung học, phù hợp với thực tế của năm học để tạo điều kiện cho việc quản lý, dạy và học. Năm học 2020 – 2021 nhà trường có 40 lớp. [H1-1.5-01]

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học đảm bảo đúng quy định của Điều 16 Điều lệ trường trung học. Mỗi lớp có lớp trưởng và lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu năm học. Trong lớp học sinh thường được chia thành nhiều tổ (thường là 04 tổ), mỗi tổ có 01 tổ trưởng do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu năm học. [H1-1.5-02]

c) Các lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản và dân chủ. Tinh thần tự quản của học sinh là tiêu chí được đặt lên hàng đầu. Lớp trưởng, lớp phó và các tổ trưởng được bầu công khai trong buổi sinh hoạt lớp đầu năm học. Tổ chức sinh hoạt lớp do lớp trưởng, lớp phó cùng các tổ trưởng điều hành. [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03]

Mức 2:

Năm năm gần đây trường trung học phổ thông Đào Sơn Tây có từ 40 - 45 lớp học. Sĩ số học sinh trong từng lớp có từ 38 đến 45 học sinh. Sĩ số học sinh trong lớp đảm bảo đúng yêu cầu theo quy định tại Điều 16 điều lệ trường trung học. [H1-1.5-01], [H1-1.5-03]

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường có không quá 45 lớp, mỗi lớp có sĩ số từ 38 đến 45 học sinh. [H1-1.5-01]

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức các khối lớp, các lớp học của nhà trường đảm bảo đúng quy định tại Điều 16 Điều lệ trường trung học.

3. Điểm yếu

Sĩ số học sinh trong mỗi năm học có sự dao động vì nhiều học sinh đi học xa nhà, chuyển trường để thuận tiện cho việc đi học.

Chất lượng hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ ở các lớp không đồng đều, hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường; tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng, tổ chức các chuyên đề hướng dẫn đội ngũ giáo viên chủ nhiệm trong công việc tư vấn, động viên, khuyến khích, chăm lo, hỗ trợ học sinh, giúp các em an tâm theo học tại trường.

Tổ chức các buổi tập huấn kỹ năng điều hành, tổ chức cho cán bộ lớp, cán bộ đoàn ngay từ đầu năm học, nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt lớp theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định.

Công tác lưu trữ hồ sơ của nhà trường được thực hiện đảm bảo theo quy định của Luật lưu trữ. Hồ sơ được tổng hợp tương đối đầy đủ trong các tủ lưu trữ của phòng học vụ và phòng văn thư. Tuy nhiên việc sắp xếp lưu trữ hồ sơ chưa được khoa học. [H1-1.6-01], [H1-1.6-02]

b) Hằng năm, nhà trường có lập dự toán ngân sách Nhà nước và được cấp trên phê duyệt, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước, phòng Kế hoạch– Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo, thực hiện lưu trữ hồ sơ đầy đủ. [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]

Công khai và định kì tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. [H1-1.6-05]

Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung cập nhật, phù hợp với điều kiện thực tế và các qui định hiện hành. [H1-1.6-06]

c) Quản lý sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. [H1-1.6-06], [H1-1.6-07]

Nhà trường quản lý và sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. [H1-1.6-08]

Mức 2:

a) Nhà trường thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-07].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.2-09].

Mức 3:

Nhà trường chỉ có kế hoạch ngắn hạn (trong một năm học) để tạo các nguồn tài chính hợp pháp mà không có kế hoạch trung hạn và dài hạn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo qui định. Hồ sơ được ghi chép đầy đủ, cẩn thận, đảm bảo tính hệ thống, số liệu chính xác. Lưu trữ hồ sơ, văn bản theo qui định của Luật Lưu trữ.

Công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

Công khai tài chính, thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo qui định. Xây dựng được qui chế chi tiêu nội bộ có bổ sung, điều chỉnh hằng năm sau hội nghị công chức viên chức.

3. Điểm yếu

Hồ sơ lưu trữ chưa khoa học.

Ban thanh tra nhân dân của trường còn thụ động trong việc giám sát tài chính hàng kì, hàng năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, bộ phận văn thư, học vụ cần phải được tập huấn thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả công việc. Sắp xếp hồ sơ khoa học, đảm bảo tính bảo mật về thông tin. Ứng dụng công nghệ thông tin trong lưu trữ hồ sơ.

Ban thanh tra nhân dân cần tham gia các lớp tập huấn do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức để thực hiện tốt hơn nữa vai trò giám sát, kiểm tra các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường luôn có kế hoạch bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ quản lý; Tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. [H1-1.7-01], [H1-1.7-02]

b) Nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo quy chế làm việc và đề án vị trí việc làm, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. [H1-1.3-22], [H1-1.7-03], [H1-1.7-04]

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định, được tham gia các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-02]; được đảm bảo về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ theo các chế độ, chính sách. [H1-1.7-05], [H1-1.7-06], [H1-1.7-07], [H1-1.7-08]

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, tổ chức các hội nghị chuyên đề, phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong quá trình đổi mới và hội nhập. [H1-1.7-02], [H1-1.7-07]

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền theo quy định,

3. Điểm yếu

Một số nhân viên chưa chủ động và sáng tạo trong thực hiện công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các tổ chức đoàn thể tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ năm học.

Nhà trường có kế hoạch giám sát thường xuyên việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên; tập huấn, bồi dưỡng để nhân viên tích cực, chủ động và sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm học, căn cứ kế hoạch và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục và cụ thể hóa nội dung, thời gian thực hiện theo từng tháng phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. [H1-1.8-01]

b) Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục đã được duyệt trong đó: Hiệu trưởng giữ vai trò chỉ đạo điều hành chung; Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn tổ chức, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện kế hoạch năm học theo từng tổ chuyên môn; Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất chỉ đạo, điều hành, giám sát việc thực hiện về cơ sở vật chất nhà trường, các hoạt động nề nếp, kỷ luật học sinh. Tổ trưởng tổ chức, điều hành hoạt động tổ chuyên môn. Giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao theo thời khóa biểu, theo sự phân công nhiệm vụ từ cán bộ quản lý, hiện thị đầy đủ qua sổ đầu bài và các biên bản kiểm tra. [H1-1.8-02], [H1-1.8-03]

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh thông qua dự giờ thăm lớp, tham dự các buổi họp, chuyên đề của các tổ chuyên môn. [H1-1.4-08]. [H1-1.8-04].

Mức 2:

Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm được Hiệu trưởng thực hiện chặt chẽ, đúng qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. [H1-1.8-05]

Ngoài ra, nhà trường còn làm tốt nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức xã hội ngoài nhà trường trong việc quản lý học sinh. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt hiệu quả. [H1-1.8-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục hàng năm phù hợp với quy định hiện hành, với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục hàng năm.

Các bộ phận có sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu năm học.

Nhà trường cũng định kỳ rà soát, đánh giá để có những điều chỉnh kịp thời, nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Hoạt động kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục ở các tổ chuyên môn chưa sâu sát, chưa tạo được bước đột phá trong đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lãnh đạo nhà trường tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên, tổ chức lấy thông tin phản hồi từ học sinh và cha mẹ học sinh.

Mở các lớp tập huấn về công nghệ thông tin cho giáo viên, cung cấp cho giáo viên nhiều công cụ để thực hiện đổi mới hình thức và nội dung bài giảng, tạo niềm say mê hứng thú cho học sinh trong mỗi tiết học để nâng cao chất lượng bộ môn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường ban hành quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo thực hiện theo đúng qui định của Quyết định số 04/2000/QĐ-BGD&ĐT, Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT và Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 9/01/2015 của Chính phủ. Trong các báo cáo của nhà trường đều có nội dung đánh giá kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở đơn vị. Ban thanh tra nhân dân làm tốt công tác giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động, thể hiện đầy đủ trong kế hoạch hàng năm và các báo cáo sơ kết, tổng kết. [H1-1.9-01], [H1-1.9-02], [H1-1.9-03]

Công đoàn phối hợp cùng với nhà trường thực hiện hội nghị viên chức hàng năm. [H1-1.9-02]

Nhà trường có đầy đủ biên bản họp hội đồng sư phạm định kỳ, đột xuất đảm bảo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo đúng quy định. [H1-1.9-05], [H1-1.9-06]

Các biện pháp giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. [H1-1.9-05], [H1-1.9-07]

b) Nhà trường giải quyết các kiến nghị, phản ánh của giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh theo đúng thẩm quyền và đúng pháp luật quy định. [H1-1.9-02]

Nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Một số phản ánh, kiến nghị được nhà trường giải quyết đầy đủ, đúng trình tự, đúng thẩm quyền, tuân thủ luật pháp và có báo cáo hàng năm. [H1-1.9-08]

c) Định kỳ hằng quý, học kì, hằng năm, nhà trường, Ban thanh tra nhân dân, Công đoàn có báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ. [H1-1.9-03], [H1-1.9-05], [H1-1.9-06]

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. [H1-1.9-06], [H1-1.9-07]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt vai trò tham mưu và triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, chỉ đạo giám sát của địa phương. Đảm bảo triển khai đầy đủ quy chế dân chủ ở cơ sở.

Tinh thần tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường rất chủ động, thẳng thắn. Lãnh đạo nhà trường biết lắng nghe và chia sẻ.

Cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Công tác cập nhật và xử lý thông tin dư luận đôi khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 – 2021 và những năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục chỉ đạo bộ phận văn thư thu thập, cập nhật nhanh thông tin phản hồi từ các tổ chức trong và ngoài nhà trường. Thông tin 2 chiều phải được truyền tải đầy đủ, chính xác, kịp thời và được xử lý nhanh tạo lòng tin trong đội ngũ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng và phổ biến rộng rãi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh các kế hoạch phối hợp với công an phường Linh Xuân, Trung tâm Y tế dự phòng thành phố Thủ Đức về phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống các tệ nạn xã hội. [H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-03], [H1-1.10-04]

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. [H1-1.10-05], [H1-1.10-06]

Tuy nhiên, hộp thư góp ý của nhà trường hoạt động chưa hiệu quả.

c) Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong giáo viên và học sinh. [H1-1.10-07], [H1-1.10-08]

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường mời báo cáo viên để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-05], [H1-1.10-07], [H1-1.10-08]

b) Nhà trường lắp đặt hệ thống camera tại các phòng học, khu vực hành lang, khuôn viên trường học và thường xuyên kiểm tra, thu thập thông tin liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

Hằng năm, Nhà trường được Công an thành phố Thủ Đức công nhận trường học an toàn. Năm 2020, nhà trường được khen tặng tập thể có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. [H1-1.10-09]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt việc đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Được sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương, công an phường Linh Xuân trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự xã hội trong và ngoài nhà trường.

Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

3. Điểm yếu

Hộp thư góp ý của nhà trường đạt hiệu quả chưa cao.

Còn một số học sinh chưa nghiêm túc trong việc thực hiện nội quy nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tuyên truyền về ý nghĩa hộp thư góp ý của nhà trường để học sinh tham gia nhiều hơn.

Nhà trường triển khai nhiều biện pháp nhằm chấn chỉnh việc thực hiện nội quy, nề nếp của học sinh; tuyên truyền về ý thức pháp luật, trách nhiệm công dân; giáo dục đạo đức thông qua các sinh hoạt chuyên đề, hoạt động tư vấn tâm lý....

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật:

Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đóng góp tích cực trong các hoạt động, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với lãnh đạo nhà trường và hoạt động hiệu quả.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường đạt hiệu quả. Nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo đúng quy định khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Việc giám sát, quản lý chuyên môn chưa chặt chẽ, chưa có đột phá trong đổi mới và nâng cao chất lượng giảng dạy.

Công tác lưu trữ hồ sơ chưa khoa học.

Ban thanh tra nhân dân của trường còn thiếu về nghiệp vụ nên gặp nhiều khó khăn trong việc giám sát tài chính hàng năm.

Tổ chức công đoàn cần phát huy hơn nữa vai trò cầu nối giữa lãnh đạo và người lao động, thường xuyên cập nhật các văn bản về quyền và nghĩa vụ của người lao động để tuyên truyền phổ biến trong đơn vị giúp cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường hiểu biết, và thực thi đúng pháp luật, đồng thuận trong các quyết sách của nhà trường, tăng cường mối đoàn kết nội bộ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao. Đội ngũ giáo viên có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao đảm bảo cho việc thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đạt chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp. Nhân viên được phân công phù hợp với công việc, hợp lý theo năng lực. Số lượng học sinh đảm bảo về độ tuổi đi học và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý nhà trường có trình độ đào tạo đại học, sau đại học và thời gian dạy học đều trên 05 năm theo quy định của Điều lệ trường trung học, trước khi được bổ nhiệm đều là những giáo viên trực tiếp đứng lớp giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo; Hiệu trưởng có trình độ chuyên môn trên chuẩn; đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, cử nhân chính trị [H2-2.1-01]; có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, có chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực tổ chức quản lý nhà trường tốt và có uy tín trước tập thể. Cán bộ quản lý đều được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh quyết định bổ nhiệm theo nhiệm kì. [H1-1.4-01]

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường được đánh giá đạt chuẩn hằng năm. Năm học 2019-2020, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được tập thể sư phạm đánh giá, bỏ phiếu tín nhiệm theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học phổ thông theo thông tư số 29/2009/TT-BGDĐT; được lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá và tốt. [H2-2.1-03]

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều được tham gia được các lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục, tin học, ngoại ngữ và trung cấp, cử nhân chính trị, dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Sở Giáo dục tổ chức. [H2-2.1-04], [H2-2.1-05]

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, từ năm học 2016 – 2017 đến nay, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá theo Chuẩn Hiệu trưởng của thông tư 29/2009/TT-BGDĐT, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá và tốt. [H2-2.1-03]

b) Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; xây dựng được khối đoàn kết nội bộ. Tạo được sự tín nhiệm cao trước hội đồng. [H2-2.1-04], [H2-2.1-05]

Mức 3

Từ năm học 2016-2017 đến thời điểm hiện tại, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên. Trong đó, Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng năm học 2019 - 2020 ở mức tốt. [H2-2.1-03]

2. Điểm mạnh

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đạt trình độ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý theo quy định.

- Làm việc nhiệt huyết, sáng tạo, quyết đoán và có tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược trong việc phát triển nhà trường.

- Luôn lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của giáo viên, nhân viên từ đó cân nhắc đưa ra những quyết sách phù hợp, đúng đắn.

3. Điểm yếu

Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý nhà trường tham gia học lớp nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn, tiếp tục học tập kinh nghiệm ở đồng nghiệp để nâng cao tầm nhìn, khả năng dự báo nhằm đề ra được những biện pháp khả thi, thực hiện có hiệu quả kế hoạch chiến lược và kế hoạch từng năm học của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong 5 năm học vừa qua, số lượng, cơ cấu giáo viên của trường đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục. Bao gồm 86 giáo viên trong đó có 01 giáo viên Tâm lý học đường. Năm học 2020 - 2021 đạt tỉ lệ 2,15 giáo viên/ lớp. [H1-1.4-04]

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của thông tư số 20/2018/TT- BGDĐT; năm học 2020 - 2021 có 66 giáo viên (76,7%) đạt chuẩn trình độ đào tạo, 20 giáo viên (23,3 %) đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn. [H2-2.2-05]

c) 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên. Năm học 2019 - 2020 có 14,1 % đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt; 85,9% đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá. [H2-2.2-04]

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp; Giáo viên được tham gia các lớp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lí luận chính trị, quản lí giáo dục, ...[H2-2.1-05], [H1-1.7-06]

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó năm học 2018 - 2019 có 100 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, tốt. [H2-2.2-04]

c) Giáo viên nhà trường có tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh hàng năm; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học đạt giải sáng tạo trong cuộc thi Robot Sumo cấp thành phố; tham gia cuộc thi Tên lửa nước, Xe thể năng, Robot ...[H2-2.2-06], [H2-2.2-07], [H2-2.2-08]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.2-09], [H2-2.2-10]

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có hơn 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên nhưng tỉ lệ đạt chuẩn ở mức tốt chỉ 14,1%. [H2-2.2-03]

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

100% Giáo viên đạt chuẩn theo tiêu chuẩn quy định. Giáo viên được bố trí giảng dạy đúng chuyên môn nghiệp vụ.

Giáo viên trẻ năng động, sáng tạo có tinh thần trách nhiệm, nhiệt huyết với nghề.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Số lượng giáo viên nữ nghỉ sinh con nhiều, chưa có nhiều thời gian để học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

Giáo viên có thực hiện hướng dẫn nghiên cứu khoa học, trải nghiệm sáng tạo nhưng chưa có công trình báo cáo nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tới nhà trường sẽ duy trì phát huy điểm mạnh của nhà trường; có kế hoạch cụ thể hơn để khuyến khích giáo viên nghiên cứu, báo cáo khoa học, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học và viết sáng kiến kinh nghiệm nhiều hơn; Bổ sung thêm đội ngũ giáo viên để đạt đúng tỉ lệ 2,25 giáo viên/ lớp đúng như qui định.

Tạo điều kiện để các giáo viên trẻ được tham gia các lớp tập huấn của sở về nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn và nghiệp vụ quản lý lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 13 nhân viên để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công: 01 văn thư, 01 kế toán, 01 thủ quỹ, 01 y tế trường học, 01 thư viện, 01 thiết bị, 01 công nghệ thông tin, 02 bảo vệ và 04 phục vụ theo, đáp ứng đúng theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. [H2-2.3-01], [H2-2.3-03]

b) Các nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực chuyên môn [H1-1.4-09]. Nhà trường thực hiện tốt các quy định về chế độ và chính sách đối với tất cả các nhân viên, được kí hợp đồng lao động đầy đủ theo qui định của pháp luật. [H2-2.3-01]

c) Các nhân viên đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Năm học 2019 - 2020 có 100% nhân viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. [H2-2.3-03]

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định. [H2-2.3-01]

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.3-03]

Mức 3:

a) Các nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. [H1-1.4-09]

b) Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. [H2-2.3-04]

2. Điểm mạnh

- Các nhân viên có trình độ đạt chuẩn và được bố trí công việc phù hợp. Đội ngũ nhân viên được đảm bảo chế độ chính sách và thực hiện khá tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

- Nhân viên văn thư luân chuyển và thay thế hàng năm, chưa có nhiều kinh nghiệm trong công việc nên còn chậm trễ trong báo cáo, thực hiện hồ sơ lưu chưa khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học tiếp theo nhà trường sẽ tiếp tục đảm bảo chế độ chính sách cho nhân viên theo quy định và có chế độ động viên, khuyến khích để ổn định đội ngũ nhân viên, đảm bảo phát huy tốt hơn việc thực hiện các nhiệm vụ được giao và tạo điều kiện cho nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên văn thư để đảm bảo yêu cầu chung của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*

b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đảm bảo thực hiện tuyển sinh lớp 10 theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, trường không có học sinh học trước tuổi. Năm học 2020 – 2021 trường có 1.667 học sinh và 100% học sinh đi học đúng độ tuổi. [H2-2.4-01], [H2-2.4-02]

b) Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định thông qua việc thực hiện nội quy, quy định của nhà trường và nhiệm vụ học tập. [H2-2.4-03], [H1-1.8-02]

c) Nhà trường trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phòng học chức năng phục vụ công tác dạy và học. Học sinh được giáo dục kỹ năng sống, được tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, được khám sức khỏe, tham gia tất cả các hoạt động giáo dục, các cuộc thi, các phong trào của trường, Đoàn thanh niên, Quận, Thành phố phát động [H2-2.2-06], [H2-2.2-07], [H2-2.2-08]. Hằng năm, thông qua hoạt động đối thoại giữa học sinh và lãnh đạo nhà trường, các em được bày tỏ tâm tư, nguyện vọng và đề đạt các ý kiến đóng góp xây dựng nhà trường [H2-2.4-04]. Năm học 2020 - 2021 có 73 học sinh thuộc diện chính sách được miễn giảm học phí. Học sinh được nhận học bổng, trợ cấp và được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật. [H2-2.4-05], [H2-2.4-06], [H2-2.4-07]

Mức 2:

Học sinh vi phạm về các hành vi không được làm được nhà trường phát hiện kịp thời và áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp, các em có chuyển biến tích cực. [H2-2.4-08], [H2-2.4-09], [H2-2.4-10]

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. Năm học 2019 - 2020 có 12 học sinh đạt giải trong kì thi học

sinh giỏi cấp thành phố, giải khuyến khích Hội thi Tên lửa nước, 3 giải khuyến khích cấp thành phố và 02 giải khuyến khích cấp Quốc gia môn Tin học Văn phòng. [H2-2.4-10]

Hàng năm, học sinh có tham gia nghiên cứu khoa học nhưng chưa đạt kết quả cao. [H2-2.2-08]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ theo yêu cầu tuyển sinh đầu cấp, đúng độ tuổi quy định. Học sinh nhà trường được đảm bảo các quyền theo Điều 35, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

Nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Vấn đề nề nếp, kỷ luật học sinh được nhà trường rất quan tâm.

3. Điểm yếu

Học sinh tham gia nghiên cứu khoa học chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường duy trì và áp dụng thêm nhiều phương pháp giáo dục, các hoạt động giáo dục, huy động nhiều nguồn lực và các kế hoạch cụ thể để nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo. Phát huy hơn nữa vai trò của giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn trong công tác giáo dục học sinh.

Nhà trường tiếp tục đảm bảo các quyền của học sinh theo quy định, tăng cường các biện pháp quản lý và giáo dục đạo đức học sinh; phối hợp tốt hơn nữa với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường; làm tốt hơn công tác hướng nghiệp, phân luồng cho học sinh.

Tăng cường công tác bồi dưỡng, giáo dục ý thức tự chủ trong học tập, nâng tỉ lệ học sinh khá giỏi và đậu tốt nghiệp, đậu đại học, cao đẳng. Xây dựng biện pháp tăng cường hỗ trợ học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật:

100% giáo viên của trường đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

Nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

Tất cả học sinh của trường đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định, 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

Điểm yếu cơ bản:

Giáo viên chưa có công trình, báo cáo nghiên cứu khoa học.

Nhân viên văn thư luân chuyển và thay thế hàng năm, chưa có nhiều kinh nghiệm trong công việc nên còn sơ sót, chậm trễ trong báo cáo, thực hiện hồ sơ lưu chưa khoa học.

Học sinh tham gia nghiên cứu khoa học chưa hiệu quả.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường trung học phổ thông Đào Sơn Tây có cơ sở vật chất khang trang, phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Nhà trường có 11 phòng học bộ môn đang được sử dụng (01 phòng thực hành Vật lý, 01 phòng thực hành Hóa học, 01 phòng thực hành Sinh, 03 phòng thực hành Tin học, 01 phòng Lab – học tiếng Anh, 01 phòng học thực hành điện, 01 phòng thực hành dinh dưỡng, 01 phòng công nghệ, 01 phòng thực hành STEM), 43 phòng học kiên cố và có đầy đủ các phòng chức năng: Thư viện, Công đoàn, Đoàn thanh niên, y tế, tư vấn tâm lý và các phòng làm việc của lãnh đạo nhà trường.

Khuôn viên trường luôn đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Có đủ khu nhà để xe cho giáo viên và học sinh, khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh đúng quy định. Hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo tính khoa học, an toàn, đủ tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Thư viện nhà trường hàng năm đều được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, ... đảm bảo phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho các tiết dạy - học của giáo viên và học sinh.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2 /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2 /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THPT Đào Sơn Tây được thành lập năm 2013 theo Quyết định số 3919/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà trường luôn quan tâm xây dựng cảnh quan trường lớp, tích cực thực hiện phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; sân trường có nhiều cây xanh thoáng mát cho học sinh vui chơi. Khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. [H3-3.1-01], [H3-3.1-02]

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường kiên cố, biển tên trường đúng Điều lệ trường trung học, có tường hàng rào bao quanh toàn bộ khu vực trường, có bảo vệ trực theo quy định. [H3-3.1-03]

c) Nhà trường có sân chơi với diện tích 2.688 m^2 , bãi tập, nhà tập đa năng với tổng diện tích 608 m^2 được trang bị đầy đủ các thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường. [H3-3.1-04]

Mức 2:

Khu vực sân chơi rộng rãi, thông thoáng với nhiều cây xanh bóng mát, lối đi được bố trí hợp lý, phù hợp để tổ chức các lễ hội, chào cờ đầu tuần và các hoạt động giáo dục khác. [H3-3.1-05]

Mức 3:

Tổng diện tích toàn trường 12.304m^2 , đạt $7,38\text{m}^2$ /học sinh; Khu sân chơi, bãi tập có diện tích 3.296 m^2 chiếm 26,8 % tổng diện tích toàn trường. [H3-3.1-01]

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Khu bãi tập thể thao của học sinh còn thiếu mái che.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy ưu điểm, xây dựng môi trường sư phạm xanh sạch đẹp. Chăm sóc mảng xanh trong khuôn viên trường để phục vụ tốt cho việc học tập và rèn luyện thể chất của học sinh. Phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường, dự trù kinh phí và vận động cha mẹ học sinh tài trợ lắp mái che khu bãi tập của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) *Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;*

b) *Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;*

c) *Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.*

Mức 2:

a) *Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

b) *Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.*

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường hiện có 43 phòng học, mỗi phòng học được trang bị 22 bộ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh trung học phổ thông, có 01 bộ bàn ghế của giáo viên, có 01 bảng viết, đảm bảo đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, đảm bảo học hai buổi một ngày. [H3-3.2-01], [H3-3.2-02]

b) Các phòng bộ môn gồm 01 phòng thực hành Lý, 01 phòng thực hành Hóa, 01 phòng thực hành Sinh, 03 phòng thực hành Tin học, 01 phòng Lab – học tiếng Anh, 01

phòng học thực hành điện, 01 phòng thực hành dinh dưỡng, 01 phòng công nghệ, 01 phòng thực hành STEM. [H3-3.2-02]

c) Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn thanh niên, phòng thư viện, phòng truyền thống. Các phòng đều có không gian sạch, đẹp được trang trí hài hòa, ý nghĩa. [H3-3.2-02]

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng kiên cố đạt tiêu chuẩn đáp ứng đủ nhu cầu giảng dạy, học tập, sinh hoạt của giáo viên và học sinh. Các phòng đều đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. [H3-3.2-02]

b) Khối phòng phục vụ học tập có: 6 phòng (mỗi phòng thực hành lý, hóa, sinh, tin học, điện, dinh dưỡng có 1 phòng kho để chứa đồ dùng thiết bị và là nơi chuẩn bị dụng cụ, thiết bị thí nghiệm) đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định; phòng thư viện với trên 3000 đầu sách phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu; phòng hội trường 500 chỗ đảm bảo cho các buổi sinh hoạt tập thể, hướng nghiệp; có phòng kho chứa các thiết bị môn giáo dục quốc phòng an ninh. [H3-3.2-02]

Mức 3:

Nhà trường trang bị cho mỗi phòng học đầy đủ các thiết bị như: bàn ghế, bảng viết, máy chiếu projector hay tivi, bộ âm li, loa âm thanh, camera phục vụ cho công tác quản lý và giảng dạy, học tập. [H3-3.2-01], [H3-3.2-02]

Các phòng bộ môn được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định. Các phòng chức năng, bộ môn có phân công giáo viên phụ trách và chịu trách nhiệm quản lý. Tất cả các phòng đều có treo các bảng nội quy, lịch hoạt động để hướng dẫn học sinh đến học tập phải tuân theo các quy định về các đặc điểm chức năng riêng của từng phòng. Phòng công nghệ được trang bị 01 bảng tương tác phục vụ cho công tác dạy học theo hướng hiện đại. Mỗi phòng thực hành tin học được lắp 2 máy lạnh, có 45 máy vi tính phục vụ học sinh, 01 máy vi tính cho giáo viên. Tất cả các máy vi tính đều được kết nối Internet [H3-3.2-02].

Nhà trường có phòng tư vấn tâm lý để tổ chức các hoạt động giáo dục, tư vấn cho học sinh diện giáo dục hoà nhập [H3-3.2-03]. Nhà trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

2. Điểm mạnh

Tất cả phòng học đều được trang bị máy chiếu projector hay tivi thuận lợi cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng Công nghệ thông tin.

Các khối phòng phục vụ học tập, phòng làm việc đáp ứng yêu cầu phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường. Việc quản lý, sử dụng các khối phòng, các loại thiết bị văn phòng thực sự có hiệu quả và đúng theo các quy định hiện hành.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch sử dụng hiệu quả khối phòng phục vụ, khai thác tối đa các phòng chức năng nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác dạy và học trong nhà trường.

Bố trí phòng để tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*
- b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*
- c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các phòng đáp ứng yêu cầu hoạt động của khối hành chính, quản trị. Các phòng của khối được bố trí tại tầng trệt dãy nhà A, B để thuận tiện trong việc liên hệ công tác gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 03 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng công đoàn, 01 phòng kế toán – thủ quỹ, 01 phòng văn thư, 01 phòng tiếp công dân, 01 phòng giám thị, 01 phòng họp hội đồng, 01 phòng truyền thống, 01 phòng Y tế. [H3-3.2-01]

b) Nhà trường có khu để xe riêng biệt dành cho giáo viên và học sinh. Khu để xe học sinh với 800 chỗ được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự cho học sinh khi ra vào

trường. Khu để xe của giáo viên, nhân viên rộng rãi, thông thoáng đáp ứng được nhu cầu để xe của toàn thể đội ngũ nhà trường. [H3-3.3-01]

c) Nhà trường định kỳ có sửa chữa, bổ sung các thiết bị khôi hành chính - quản trị đảm bảo hoạt động tốt. [H3-3.3-02]

Mức 2:

Khôi hành chính - quản trị của trường được xây dựng theo quy định; khu bếp, khu nhà ăn sạch sẽ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho học giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà ăn phục vụ tối đa cho hơn 1000 giáo viên, nhân viên và học sinh, hàng ngày cán bộ y tế trường kiểm tra chất lượng bữa ăn cho học sinh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sau mỗi bữa ăn có lưu mẫu thức ăn để kiểm tra. [H1-1.10-04]

Các phòng ngủ dành cho học sinh bán trú đều được trang bị quạt, máy lạnh, giường nằm đảm bảo điều kiện nghỉ ngơi cho học sinh. Có 02 phòng nghỉ dành cho giáo viên được trang bị quạt, máy lạnh và giường nằm. [H3-3.3-03]

Mức 3:

Khôi hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. [H3-3.3-03]

2. Điểm mạnh

Khôi hành chính - quản trị của trường được xây dựng theo quy định, có đầy đủ các thiết bị, định kỳ được kiểm tra, sửa chữa, bổ sung, đáp ứng yêu cầu và hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà để xe của học sinh còn một phần thiếu mái che.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch sửa chữa, sắp xếp lại khu để xe cho học sinh đảm bảo đủ mái che.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có: Khu vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm có 1 phòng nam, 2 phòng nữ; 12 khu vệ sinh dành cho học sinh được bố trí tại các tầng lầu (2 nhà vệ sinh nam, 2 nhà vệ sinh nữ/tầng) và 01 khu vệ sinh trong khu vực nhà thi. Các phòng vệ sinh thường xuyên sạch sẽ và đảm bảo cấp đủ nước, an toàn, thuận tiện cho giáo viên và học sinh, không gây ô nhiễm môi trường. Các khu vệ sinh của học sinh có chỗ riêng, đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. [H3-3.4-01]

b) Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng và sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường ký hợp đồng với công ty nước uống tinh khiết Lavie để cung cấp nguồn nước uống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống thoát nước được bố trí ngầm xung quanh trường chống ngập úng cho khuôn viên; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực phòng thực hành thí nghiệm, phòng y tế, nhà bếp, căn tin và khu vệ sinh. [H3-3.4-02], [H3-3.4-03]

c) Nhà trường giao nhiệm vụ cho nhân viên lao công vệ sinh khuôn viên các khu vực nhà vệ sinh và học sinh trực nhật lớp hằng ngày. Nhà trường hợp đồng với công ty dịch vụ công ích để thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường và có gửi rác y tế sang trạm y tế phường Linh Xuân để xử lý rác thải y tế theo quy định. [H3-3.4-04]

Mức 2:

a) Khu vệ sinh được xây dựng và ở các góc của mỗi tầng lầu đảm bảo tách biệt, thuận tiện, phù hợp với cảnh quan và theo quy định. [H3-3.4-01]

b) Nhà trường có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Nhà trường có 01 khu tập kết rác và đặt các thùng rác trên các tầng lầu, đảm bảo hệ thống thùng rác khác màu để phân loại rác thải. [H3-3.4-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, riêng cho nam và nữ, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ.

Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, cung cấp nước uống cho học sinh đạt tiêu chuẩn, hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

3. Điểm yếu

Việc phân loại rác tại nguồn của học sinh chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh làm tốt công tác lao động, vệ sinh, giữ gìn phòng ốc, khuôn viên và các khu vệ sinh luôn sạch, đẹp.

Tăng cường công tác kiểm tra, giáo dục ý thức phân loại rác cho học sinh, đảm bảo việc phân loại rác tại nguồn đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác đảm bảo cho việc phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường. Năm 2019, Ban đại diện cha mẹ học sinh tài trợ cho nhà trường dàn âm thanh mới và hệ thống camera lắp tại các phòng học và hành lang các dãy lầu; năm 2020 lắp 14 tivi cho các lớp khối 10. [H3-3.5-01], [H3-3.5-02]

b) Nhà trường được trang bị đủ thiết bị dạy học tối thiểu cùng với các thiết bị hiện có của nhà trường, thiết bị dạy học được sắp xếp khoa học tại các phòng học bộ môn và phòng chứa thiết bị của nhà trường. Tất cả các lớp học của trường đều được trang bị máy chiếu projector hoặc tivi, hệ thống âm thanh để phục vụ cho công tác dạy và học. [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]

c) Hằng năm, các thiết bị trong nhà trường đều được kiểm kê và có kế hoạch sửa chữa hoặc thay mới thiết bị hư hỏng. [H3-3.3-03]

Mức 2:

a) 100% các máy vi tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Nhà trường có lắp đặt hệ thống internet tại khu vực khối hành chính. [H3-3.5-04]

b) Nhà trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học theo quy định và có các biện pháp bảo quản thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học để phục vụ công tác giảng dạy. [H3-3.5-01], [H3-3.5-02]

c) Hằng năm, nhà trường đều đầu tư mua sắm và bảo quản, tu sửa thiết bị, đồ dùng bị hỏng, tiêu hao. Xây dựng nội quy sử dụng thiết bị nhằm sử dụng các thiết bị có hiệu quả nhất. Nhà trường có kế hoạch để giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, tổ chức hội thi “Thiết kế đồ dùng dạy học”. [H3-3.5-03]

Mức 3:

Phòng thí nghiệm, khu vực thực hành đảm bảo đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; Giáo viên tích cực sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp, phát huy được hiệu quả của các phòng chức năng. [H3-3.5-01], [H3-3.5-02]

Nhà trường có phòng thiết bị may mặc được cấp từ 2013, hiện tại các thiết bị không phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập, gây lãng phí. [H3-3.3-03]

Hệ thống máy tính tại phòng Lab hư hỏng nhiều, hoạt động không hiệu quả.

Các thiết bị dạy học tự làm còn ít và chưa được sử dụng hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ thiết bị, đồ dùng dạy học; thường xuyên bổ sung, sửa chữa và mua sắm các trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có đầy đủ sổ sách theo dõi việc sử dụng thiết bị giáo dục và đồ dùng dạy học.

Giáo viên tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phát huy tốt chức năng các phòng học thực hành, bộ môn.

3. Điểm yếu

Hệ thống máy tính tại phòng Lab hư hỏng nhiều, hoạt động chưa hiệu quả.

Các thiết bị dạy học tự làm còn ít và chưa được sử dụng hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch thay thế và sửa chữa các máy tính đã quá cũ tại phòng Lab, xin chủ trương thanh lý thiết bị phòng may mặc.

Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, quản lý, khai thác, sử dụng tốt đồ dùng dạy học đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường có vị trí đẹp, thuận lợi. Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các ấn phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. [H3-3.6-01]

b) Hoạt động của Thư viện thực hiện qua sổ theo dõi mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy định pháp luật đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Nhà trường tiến hành tự kiểm tra, rà soát công tác thư viện trong năm học. [H3-3.6-02], [H3-3.6-03], [H3-3.6-04]

c) Hằng năm, thư viện nhà trường được kiểm kê, bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Việc bổ sung Hằng năm được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn và các dự án cấp phát tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo. [H3-3.6-05]

Mức 2:

Thư viện nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận là Thư viện đạt chuẩn từ năm 2016-2017, năm 2019 – 2020 đạt thư viện tiến tiến, đạt chứng nhận thư viện xanh. [H3-3.6-07]

Mức 3:

Năm học 2020 – 2021, thư viện được mở rộng và trang trí đẹp hơn, đảm bảo nhu cầu đọc sách của giáo viên và học sinh. Thư viện có hệ thống máy tính kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. [H3-3.6-07], [H3-3.6-08]

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường đã được công nhận là Thư viện đạt chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Thư viện có đầy đủ hồ sơ, sổ sách của cán bộ thư viện đúng theo quy định. Phong trào đọc sách, báo tạp chí trong trường đã được phát động, duy trì nhiều năm.

3. Điểm yếu

Số lượng đầu sách tham khảo có trong thư viện chưa đa dạng.

Chưa có nhiều phương thức sáng tạo trong việc giới thiệu sách để thu hút bạn đọc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch mua bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật phù hợp nhu cầu học tập hiện nay của giáo viên và học sinh.

Thực hiện tuyên truyền, giới thiệu sách bằng các hoạt động, hình thức phù hợp, sáng tạo để thu hút bạn đọc.

Trang bị thêm máy tính được kết nối Internet, xây dựng hệ thống thư viện số để đáp ứng tốt hơn nhu cầu nghiên cứu, các hoạt động khác của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ phòng học đảm bảo cho việc dạy học 02 buổi/ngày cho tất cả học sinh. Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, có đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị dạy học theo quy định, hằng năm thực hiện kiểm kê, sửa chữa, bổ sung các thiết bị. Các thiết bị dạy học được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

Nhà để xe của học sinh còn một phần thiếu mái che.

Hệ thống máy tính tại phòng Lab hư hỏng nhiều, hoạt động chưa hiệu quả.

Số lượng đầu sách tham khảo có trong thư viện chưa đa dạng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Nhà trường được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ của Cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả của ban ngành đoàn thể đặc biệt là sự tin yêu, giúp đỡ của nhân dân, của cha mẹ học sinh trong các hoạt động của nhà trường. Việc phối hợp nhịp nhàng giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác vận động xã

hội hóa hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của trường trong những năm qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường được thành lập và hoạt động đúng Điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thành viên của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường là trưởng ban hoặc phó trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, số lượng các phó trưởng ban và các thành viên thường trực của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường do cuộc họp các trưởng ban và phó trưởng ban của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp quyết định. Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp được thành lập trong buổi họp phụ huynh đầu năm, nhiệm kỳ của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường là một năm học; các Ban đại diện cha mẹ học sinh hết nhiệm kỳ khi bắt đầu năm học tiếp sau, riêng Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp 12 hết nhiệm kỳ khi kết thúc năm học. [H4-4.1-01], [H4-4.1-02]

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường phối hợp với Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm, trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất với Hiệu trưởng

để quyết định kế hoạch sử dụng kinh phí được ủng hộ, tài trợ và chi sử dụng sau khi được toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất ý kiến, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ. [H4-4.1-03]

c) Các kế hoạch xây dựng của Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường được tổ chức thực hiện đúng tiến độ. [H4-4.1-04]

Mức 2:

Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường tập hợp ý kiến của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, của cha mẹ học sinh để thống nhất với Hiệu trưởng các biện pháp giải quyết. Phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh. Phối hợp với Hiệu trưởng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh tại các buổi họp phụ huynh học sinh định kỳ, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường luôn phối hợp tốt với Chi hội khuyến học xác minh các hoàn cảnh học sinh khó khăn, tổ chức vận động học sinh bỏ học tiếp tục đi học. [H4-4.1-05]

Hỗ trợ nhà trường giải quyết kiến nghị của cha mẹ học sinh về hoạt động giáo dục của nhà trường. Huy động học sinh đến trường, vận động học sinh trong việc thực hiện đúng nội quy nhà trường, hỗ trợ các hoạt động của nhà trường. [H4-4.1-05], [H4-4.1-06]

Mức 3:

Nhà trường tổ chức họp định kỳ giữa lãnh đạo trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh, mỗi năm 3 lần (đầu năm học để triển khai kế hoạch, cuối học kỳ I, cuối kỳ II), để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. [H4-4.1-05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có kế hoạch và sự thống nhất trong các hoạt động, đạt hiệu quả cao.

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp nhiệt tình, tâm huyết, luôn đồng hành và phối hợp với nhà trường; nắm chắc các điều lệ để hoạt động, góp phần tích cực nâng cao chất lượng dạy và học cũng như ý thức chấp hành nội quy, qui định của nhà trường cho con em mình.

3. Điểm yếu

Một số cha mẹ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, thiếu sự quan tâm đến con em, nên việc phối hợp với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm đôi lúc chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, sự phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh, tăng cường mối quan hệ giữa giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh các lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tham mưu cấp ủy chi bộ, chính quyền để đề ra kế hoạch thực hiện giáo dục trong nhà trường [H1-1.2-08]; phối hợp với cha mẹ học sinh trang bị cơ sở vật chất, trao thưởng

cho các hoạt động phong trào, các học sinh có thành tích tốt trong học tập; Cha mẹ học sinh hỗ trợ nhà trường lắp 60 camera cho năm học 2019-2020, trang bị 14 tivi cho năm học 2020-2021. [H4-4.2-01]

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ Đoàn về học tập và làm theo tư tưởng Đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tuyên truyền, giáo dục trật tự, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh, phòng chống cháy nổ; chủ quyền biển đảo; phổ biến và giáo dục hiến pháp - pháp luật. [H4-4.2-02]

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn bảo vệ an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; tuyên truyền phòng chống các tệ nạn xã hội, phối hợp thành phố Thủ Đức đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao của học sinh. [H4-4.2-03]

Mức 2:

Phối hợp cùng Đoàn phường Linh Xuân giáo dục nhận thức về bảo vệ môi trường sống, không xả rác xuống kênh rạch; thăm và tặng quà cho các hộ gia đình có công với cách mạng, gia đình các anh hùng, liệt sĩ, cựu binh sĩ; tổ chức dâng hoa, dâng hương các anh hùng liệt sĩ tại nghĩa trang Thành phố và nhà Thiếu tướng Đào Sơn Tây; thăm và tặng quà cho Đảng viên cao tuổi Đảng. [H4-4.1-04], [H4-4.2-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có sự phối hợp với các tổ chức, đoàn thể để thực hiện các kế hoạch giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhận thức của đoàn viên, học sinh trong thực hiện công tác phối hợp với tổ chức đoàn thể chưa được duy trì thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền, phát huy công tác phối hợp với các tổ chức Đoàn thể; phát huy vai trò xung kích của đoàn thanh niên để nâng cao hơn nhận thức của đoàn viên, học sinh trong thực hiện công tác phối hợp với Đoàn phường Linh Xuân, Thành Đoàn Thủ Đức.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có kế hoạch và sự thống nhất trong các hoạt động, đạt hiệu quả cao.

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp nhiệt tình, tâm huyết, luôn đồng hành và phối hợp với nhà trường trong các hoạt động; nắm chắc các điều lệ để hoạt động, góp phần tích cực nâng cao chất lượng dạy và học tập cũng như ý thức chấp hành nội quy, qui định của nhà trường cho con em mình.

Nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể để thực hiện các kế hoạch giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

Một số cha mẹ học sinh có hoàn cảnh khó khăn nên việc phối hợp với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm đôi lúc chưa kịp thời.

Nhận thức của đoàn viên, học sinh trong thực hiện công tác phối hợp với tổ chức đoàn thể chưa được duy trì thường xuyên.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá chất lượng dạy và học của nhà trường. Vì vậy, trường trung học phổ thông Đào Sơn Tây đã tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu luôn được quan tâm. Bên cạnh đó, nhà trường luôn có các chính sách miễn, giảm học phí cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn mỗi năm học. Các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức với nội dung đa dạng phù hợp với hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh và phù hợp với điều kiện nhà trường. Việc giáo dục kỹ năng sống, giáo dục địa phương được lồng ghép vào các môn học hoặc tổ chức thành các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp, các buổi tuyên truyền. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp, lên lớp, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến tăng dần hàng năm.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, căn cứ kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch giáo dục của trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ. [H1-1.4-05], [H1-1.8-01]

b) Giáo viên của trường vận dụng đa dạng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin để tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Nhà trường tổ chức thi giáo viên dạy giỏi, khuyến khích giáo viên lên tiết thao giảng cấp trường, cấp cụm nhằm tạo điều kiện cho giáo viên giao lưu học hỏi kinh nghiệm, phương pháp và kỹ thuật dạy học. [H1-1.4-08], [H5-5.1-01]

Các tổ chuyên môn xây dựng các kế hoạch dạy học dự án, thành lập các câu lạc bộ, hướng dẫn học sinh tham gia các lớp học trực tuyến nhằm bồi dưỡng phương pháp tự học,

nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh. [H1-1.4-05]

c) Nhà trường thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng quy định, đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả, bất cứ học sinh vi phạm trong thi cử đều được xử lý nghiêm minh, đảm bảo sự công bằng trong kết quả giáo dục. [H5-5.1-02]

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; giáo viên lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. [H1-1.4-09]

b) Dựa vào kết quả học tập của học sinh, các tổ chuyên môn xây dựng các lớp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu vào đầu năm học, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập. [H5-5.1-03], [H5-5.1-04]

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường có thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. [H1-1.2-09]

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện

3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa linh hoạt và sáng tạo trong việc lựa chọn các nội dung và hình thức tổ chức dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo nhà trường sẽ chỉ đạo giáo viên tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, tổ bộ môn tăng cường sinh hoạt chuyên đề về đổi mới nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học.

Tăng cường công tác dự giờ, thăm lớp để giúp đỡ giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường có kế hoạch phân loại học sinh, tổ chức biên chế lớp phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh, phân công giáo viên hợp lý về khả năng, sở trường để từ đó có các biện pháp giúp đỡ học sinh vươn lên trong học tập. [H1-1.5-01]

Có kế hoạch quan tâm đến những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, tạo điều kiện cho các em trong việc miễn giảm một số hoạt động học tập, hỗ trợ các em thông qua hoạt động quyên góp, quỹ khuyến học, trợ cấp hoặc trao thưởng tặng quà cho các em học sinh nghèo vượt khó. [H1-1.8-01], [H1-1.3-08], [H1-1.3-12]

b) Dựa vào kết quả học tập của học sinh, các tổ chuyên môn xây dựng các lớp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém. Ngoài ra, nhà trường thành lập các câu lạc bộ năng khiếu như dinh dưỡng, văn nghệ, võ thuật, thể dục thể thao. [H5-5.1-04], [H5-5.2-01]

c) Sau mỗi học kỳ, các tổ chuyên môn đánh giá và rà soát lại hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém, hoạt động của các câu lạc bộ để từ đó có kế hoạch cải tiến giúp các hoạt động này ngày càng tốt hơn. [H5-5.2-01], [H1-1.4-09]

Mức 2:

Nhà trường thực hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo kế hoạch giáo dục. [H5-5.1-04]

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận. [H5-5.1-03], [H5-5.2-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa chủ động và tích cực trong học tập nên kết quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục phát huy tổ chức các hoạt động giáo dục, giúp đỡ học sinh. Tổ chức thêm nhiều sân chơi bổ ích để tạo hứng thú cho học sinh đồng thời phát huy năng khiếu của các em. Tăng cường phối hợp giữa giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh trong công tác phụ đạo cho học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh giỏi để học sinh đạt kết quả tốt hơn.

Tăng cường huy động nguồn kinh phí hỗ trợ học sinh khó khăn, khen thưởng học sinh nghèo vượt khó.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn nội dung giáo dục địa phương ở cấp trung học phổ thông, triển khai cụ thể ở các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Công nghệ, Thể dục theo quy định của công văn 5977/BGDĐT-GDTrH. [H5-5.3-01]

b) Các tổ chuyên môn thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả thông qua các sản phẩm của các kế hoạch ngoại khóa, các dự án dạy học ở các môn học. [H5-5.3-02]

Nhà trường thường xuyên kết hợp với địa phương để mời các báo cáo viên cấp quận, cấp thành phố tổ chức những buổi ngoại khóa chuyên đề về: an toàn giao thông, ma túy học đường, sức khỏe sinh sản, giới tính, cách sử dụng mạng facebook, phòng cháy chữa cháy. Nhà trường xây dựng và tổ chức hướng nghiệp cho học sinh. [H5-5.3-04]

Các tổ chuyên môn tổ chức các buổi học tập trải nghiệm, mở rộng không gian lớp học tới các địa điểm trong và ngoài thành phố tạo sự hứng thú học tập và trải nghiệm thực tế cho học sinh. [H5-5.-02]

Đoàn trường và Chi đoàn giáo viên tổ chức các buổi về nguồn, ngày chủ nhật xanh, viếng mộ thiếu tướng Đào Sơn Tây nhằm gắn kết giữa nhà trường và địa phương đồng thời giúp học sinh học tập trực quan sinh động hơn. [H5-5.3-03]

c) Hằng năm, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, nội dung giáo dục địa phương ở các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Sinh học, Công nghệ, Thể dục cho học sinh. [H5-5.3-02]

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. Theo từng thời điểm khác nhau, nhà trường tổ chức các buổi tuyên truyền về y tế học đường, an toàn giao thông, phòng tránh dịch bệnh; tổ chức hướng nghiệp cho học sinh. [H5-5.3-03], [H5-5.3-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh theo kế hoạch.

Học sinh hứng thú với chương trình giáo dục địa phương lồng ghép trong các tiết học theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu

Tài liệu về nội dung giáo dục địa phương chưa phong phú.

Số lượng học sinh tham gia các buổi về nguồn, trải nghiệm tại các di tích lịch sử ở địa phương còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường xây dựng kế hoạch cho các tổ chuyên môn và học sinh sưu tầm, bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

Các tổ chuyên môn xây dựng tài liệu dạy học về nội dung giáo dục địa phương cấp tổ, cấp trường; tăng cường việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương hàng năm.

Tăng cường tiết học ngoài nhà trường, hoạt động trải nghiệm tại các khu di tích lịch sử, khu sinh thái của Thành phố Hồ Chí Minh, tạo điều kiện cho nhiều học sinh tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. [H5-5.4-01], [H5-5.4-02]

b) Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh luôn được nhà trường quan tâm và tổ chức hàng năm. Khi tiến hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nhà trường luôn chuẩn bị chu đáo như phương tiện, tài liệu, đội ngũ giáo viên- nhân viên

tham gia đồng thời phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh nhằm giúp học sinh hứng thú và thu nhiều kiến thức trong các chuyên trải nghiệm, ngoại khóa, hướng nghiệp. kiểm tra, đánh giá các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hoạt động của các câu lạc bộ. [H5-5.4-01], [H5-5.4-02]

c) Phân công giáo viên, nhân viên có năng lực trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh và giúp học sinh thu được nhiều kết quả sau mỗi hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. [H5-5.2-02]

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực [H5-5.4-02]. Nhà trường tổ chức các lớp dạy nghề phổ thông cho học sinh các lớp 11, bao gồm môn nghề làm vườn, môn điện công nghiệp, tin học văn phòng. Các ngành nghề nhà trường tổ chức học phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương thể hiện qua danh sách học sinh học nghề hàng năm. [H5-5.4-03]

b) Nhà trường luôn rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở từng lớp, từng khối, từng năm; khen thưởng đối với giáo viên, học sinh đạt thành tích khi tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức. [H5-5.4-04]

Nhà trường luôn khuyến khích, động viên giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, công nghệ [H2-2.2-08]. Tuy nhiên, do chất lượng đầu vào của học sinh còn hạn chế nên việc hướng dẫn học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ diễn ra chưa đồng đều ở các tổ bộ môn.

2. Điểm mạnh

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh luôn được nhà trường quan tâm và đảm bảo hầu hết các học sinh tham gia.

Nhà trường luôn khen thưởng kịp thời giáo viên, học sinh đạt thành tích khi tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức.

3. Điểm yếu

Việc hướng dẫn học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học diễn ra chưa đồng đều ở các tổ bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường sẽ tổ chức thường xuyên các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để học sinh tham gia đầy đủ, hiệu quả hơn.

Tăng cường việc hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, đảm bảo thực hiện đều ở các tổ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn, xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Nhà trường có phòng Tâm lý, có giáo viên tư vấn tâm lý và câu lạc bộ tâm lý để hướng dẫn, tư vấn kỹ năng sống, ứng xử trong gia đình, bạn bè và xã hội cho học sinh. Hàng tuần, nhà trường tổ chức các tiết giáo dục kỹ năng sống cho học sinh khối 10 vào các giờ chính khóa. Giáo viên tâm lý thực hiện một số chuyên đề ngoại khóa giáo dục kỹ năng sống. Bên cạnh đó, các tổ chuyên môn có kế hoạch lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh vào bài dạy. Giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống vào các tiết ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt chủ nhiệm, các buổi sinh hoạt dưới cờ và các lớp tập huấn công tác kỹ năng Đoàn. [H5-5.5-01]

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục như hoạt động của

phòng Tâm lý và câu lạc bộ Tâm lý; các tiết học ngoài giờ lên lớp; sinh hoạt chủ nhiệm; các tiết học được lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống; các buổi ngoại khóa, hoạt động của Đoàn thanh niên. [H2-2.2-06], [H5-5.5-02], [H5-5.5-03]

c) Thông qua các hoạt động giáo dục, đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Thông qua các hội thi, học sinh đạt được một số kết quả khích lệ. [H5-5.5-04]

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá cho toàn bộ giáo viên, học sinh. Học sinh đã biết tự đánh giá kết quả học tập của bản thân và của bạn bè trong lớp; Nhà trường sử dụng việc quản lý chất lượng giáo dục trên phần mềm Quảng ích, hướng dẫn giáo viên bộ môn sử dụng và quản lý. [H2-2.4-02]

Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả rèn luyện của bản thân. [H2-2.4-09]

b) Thông qua các hoạt động giáo dục, các chương trình hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể, sinh hoạt câu lạc bộ, các tiết học ngoài giờ lên lớp hay các tiết học đổi mới, sáng tạo, các em học sinh có cơ hội được thể hiện năng khiếu của bản thân, được trải nghiệm vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Kết quả các em đã biết làm các mô hình nhà thông minh, làm xà bông, trồng cây thủy canh,... [H5-5.5-04], [H5-5.5-05]

Mức 3:

Học sinh có tham gia nghiên cứu khoa học theo hướng dẫn của giáo viên bộ môn, tuy nhiên kết quả đạt được chưa cao. [H5-5.5-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Thông qua các hoạt động giáo dục, học sinh được rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật và có chuyển biến tích cực. Từ đó, học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học còn ít, kết quả đạt được chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, có chính sách hỗ trợ cho giáo viên, học sinh tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học để thu hút nhiều học sinh có năng khiếu tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;*

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. [H5-5.6-01]

Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021 HKI
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi (%)	7,3	5,03	5,63	14,3	10,2
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá (%)	36,7	41,1	42,8	59,7	54,3
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt (%)	73,7	68,1	62,1	92,2	84,9
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá (%)	21,8	23,1	26,2	6,3	9,7

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt chỉ tiêu kế hoạch của nhà trường. [H1-1.8-04], [H5-5.6-02]

Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Tỉ lệ học sinh lên lớp (%)	96,33	96,98	95,14	97,04	99,01
Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT (%)	95,98	94,74	94,79	96,72	99,6

c) Hằng năm, nhà trường đều tiến hành phân luồng cho học sinh thông qua công tác giáo dục hướng nghiệp, giáo viên chủ nhiệm làm công tác định hướng, tư vấn cho học sinh làm hồ sơ xét tuyển phù hợp với năng lực và nguyện vọng của học sinh, số lượng học sinh đầu các trường đại học, cao đẳng ngày càng cao. [H5-5.4-01], [H5-5.6-02]

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến trong 02 năm gần đây. [H5-5.6-01]

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến nhưng chưa nhiều trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. [H5-5.6-02]

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh đạt tiêu chuẩn đề ra. Kết quả học sinh xếp loại giỏi các năm trước còn thấp. [H5-5.4-01]

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban trong tỷ lệ cho phép.

2. Điểm mạnh

Lãnh đạo nhà trường có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, tổ chức quản lý chặt chẽ việc thực hiện nề nếp, quy chế chuyên môn. Tổ chức lớp học theo ban tự nhiên và xã hội, thuận lợi trong việc dạy và học đúng nguyện vọng của học sinh.

Nhà trường tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí để giáo viên làm việc, nghiên cứu tài liệu, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu từ đầu các năm học, phối hợp với cha mẹ học sinh để động viên học sinh tích cực học tập.

3. Điểm yếu

Một số cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học của con em, một số học sinh chưa chủ động trong học tập nên kết quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp trình độ từng đối tượng học sinh, đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn theo quy định.

Tiếp tục duy trì công tác tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh.

Tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc giám sát, động viên, khích lệ học sinh tích cực, chủ động trong học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục.

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện giáo dục cho học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh theo kế hoạch.

Các tổ chuyên môn tích cực tổ chức các buổi học tập trải nghiệm, mở rộng không gian lớp học tới các địa điểm trong và ngoài thành phố tạo sự hứng thú ở học sinh.

Đoàn trường và Chi đoàn giáo viên tổ chức các buổi về nguồn, ngày chủ nhật xanh, nhằm gắn kết giữa nhà trường và địa phương đồng thời giúp học sinh học tập trực quan sinh động.

Nhà trường luôn khen thưởng kịp thời giáo viên, học sinh đạt thành tích khi tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

Lãnh đạo nhà trường có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, tổ chức quản lý chặt chẽ việc thực hiện nề nếp, quy chế chuyên môn. Tổ chức lớp học theo ban tự nhiên và xã hội, thuận lợi trong việc dạy và học đúng nguyện vọng của học sinh.

Nhà trường tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí để giáo viên làm việc, nghiên cứu tài liệu, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Điểm yếu cơ bản:

Một số học sinh chưa chủ động và tích cực trong học tập nên kết quả chưa cao.

Một số giáo viên chưa linh hoạt và sáng tạo trong việc lựa chọn các nội dung và hình thức tổ chức dạy học.

Tài liệu về nội dung giáo dục địa phương chưa phong phú.

Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học còn ít, kết quả đạt được chưa cao.

Một số cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học của con em

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây đối chiếu với tổng số 28 tiêu chí trong 5 tiêu chuẩn theo quy định ở **Mức 1, 2 và 3** thông qua những nội dung thẩm định của báo cáo tự đánh giá, nghiêm túc đánh giá những kết quả đạt được về chất lượng giáo dục của nhà trường như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28. Tỷ lệ 100%.
- Số lượng tiêu chí **không đạt** Mức 1: 00/28. Tỷ lệ 0%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 27/28. Tỷ lệ 96,4%.
- Số lượng tiêu chí **không đạt** Mức 2: 01/28. Tỷ lệ 3,6%.
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 08/28. Tỷ lệ 28,6%.
- Số lượng tiêu chí **không đạt** Mức 3: 12/28. Tỷ lệ 42,9%.

Căn cứ Điều 34, Điều 37 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục và công nhận chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

Nhà trường sẽ tiếp tục bổ sung hoàn thiện và cải tiến trong quản lý cũng như trong giảng dạy để hoạt động giáo dục của trường ngày càng phát triển hoàn thiện hơn./.

Thủ Đức, ngày 03 tháng 02 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Thị Hảo

Phần IV. PHỤ LỤC

DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016 – 2020, 2020 - 2025 đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt	Năm 2016, 2020	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.1-02]	Hình chụp công khai trang web, bảng niêm yết, kế hoạch công khai	Hằng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.1-03]	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển nhà trường	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch bổ sung chiến lược phát triển nhà trường	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2019-2024; Quyết công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 – 2025.	448-3/QĐ-GDĐT-TC ngày 03/4/2014 1046/QĐ-GDĐT-TC ngày 10/5/2019	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
				3548,3585/QĐ-GDĐT-TC ngày 31/12/2020		
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập Hội đồng coi và chấm kiểm tra, coi và chấm kiểm tra lại	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.2-06]	Quyết định thành lập Hội đồng xét đề nghị nâng lương, nâng lương trước hạn	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	7	[H1-1.2-07]	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh 10	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.2-08]	Sổ biên bản họp của Hội đồng trường và các hội đồng khác	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	9	[H1-1.2-09]	Báo cáo sơ kết HKI, tổng kết năm học	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	10	[H1-1.2-10]	Nghị quyết Hội đồng trường	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định công nhận Ban chấp hành Công đoàn	Theo nhiệm kỳ	Công đoàn Giáo dục thành phố	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định công nhận Ban chấp hành Chi đoàn giáo viên	Theo nhiệm kỳ	Thành Đoàn Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định công nhận Ban chấp hành Đoàn trường	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Thành Đoàn Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.3-04]	Quyết định công nhận Ban chấp hành Chi hội khuyến học	Năm 2018	Hội Khuyến học thành phố Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	5	[H1-1.3-05]	Kế hoạch hoạt động của Công đoàn	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Chủ tịch công đoàn	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.3-06]	Kế hoạch hoạt động của Chi đoàn giáo viên	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Bí thư Chi đoàn giáo viên	Phòng lưu trữ
	7	[H1-1.3-07]	Kế hoạch hoạt động của Đoàn trường	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Bí thư Đoàn trường	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.3-08]	Chương trình hoạt động khuyến học	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Chi hội Khuyến học	Phòng lưu trữ
	9	[H1-1.3-09]	Báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động công đoàn	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Chủ tịch công đoàn	Phòng lưu trữ
	10	[H1-1.3-10]	Báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động của Chi đoàn giáo viên	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Bí thư Chi đoàn giáo viên	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	11	[H1-1.3-11]	Báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động của Đoàn trường	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Bí thư đoàn trường	Phòng lưu trữ
	12	[H1-1.3-12]	Báo cáo hoạt động khuyến học	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Chi hội khuyến học	Phòng lưu trữ
	13	[H1-1.3-13]	Quyết định chuẩn y cấp ủy chi bộ nhiệm kỳ 2015-2020; Quyết định chuẩn y cấp ủy chi bộ nhiệm kỳ 2020-2025	Năm 2015 Năm 2020	Thành ủy Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	14	[H1-1.3-14]	Sổ họp chi bộ hàng năm	Năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020	Bí thư Chi bộ	Phòng lưu trữ
	15	[H1-1.3-15]	Nghị quyết chi bộ hàng tháng	Năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020	Bí thư Chi bộ	Phòng lưu trữ
	16	[H1-1.3-16]	Kế hoạch hoạt động chi bộ	Năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020	Bí thư Chi bộ	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	17	[H1-1.3-17]	Quyết định công nhận tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Năm 2019, 2020	Thành ủy Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	18	[H1-1.3-18]	Giấy khen của Công đoàn	Hàng năm	Công đoàn Giáo dục thành phố	Phòng lưu trữ
	19	[H1-1.3-19]	Giấy khen của Chi đoàn giáo viên	Hàng năm	Thành đoàn Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	20	[H1-1.3-20]	Giấy khen của Đoàn trường	Hàng năm	Thành đoàn Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	21	[H1-1.3-21]	Hình ảnh tham gia các hoạt động thiện nguyện, hiến máu	Hàng năm	Công Đoàn	Phòng lưu trữ
	22	[H1-1.3-22]	Quy chế làm việc	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng	Theo nhiệm kỳ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định phân công nhiệm vụ Ban lãnh đạo nhà trường	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.4-04]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H1-1.4-05]	Kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Tổ trưởng Chuyên môn/ Tổ trưởng Văn phòng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.4-06]	Kế hoạch làm việc của từng thành viên tổ văn phòng	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Cá nhân tổ văn phòng	Phòng lưu trữ
	7	[H1-1.4-07]	Phân công nhiệm vụ của từng thành viên tổ văn phòng	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.4-08]	Biên bản họp tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Tổ trưởng Chuyên môn/ Tổ trưởng Văn phòng	Phòng lưu trữ
	9	[H1-1.4-09]	Hồ sơ tổ chức chuyên đề tổ chuyên môn	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Tổ trưởng Chuyên môn	Phòng lưu trữ
	10	[H1-1.4-10]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	11	[H1-1.4-11]	Báo cáo sơ kết, tổng kết tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Tổ trưởng Chuyên môn/ Tổ trưởng Văn phòng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách xếp lớp học sinh và giáo viên chủ nhiệm các năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.5-02]	Sổ sinh hoạt lớp	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Giáo viên chủ nhiệm lớp	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.5-03]	Sổ chủ nhiệm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Giáo viên chủ nhiệm lớp	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ đăng ký văn bản đi, văn bản đến	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Văn thư	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H1-1.6-02]	Sổ quản lý hồ sơ lưu trữ	Hàng năm	Văn thư	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.6-03]	Dự toán ngân sách	Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.6-04]	Báo cáo quyết toán	Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H1-1.6-05]	Báo cáo công khai tài chính	Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H1-1.6-06]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	7	[H1-1.6-07]	Hệ thống phần mềm quản lý tài chính: Misa, dịch vụ công trực tuyến	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Các bộ phận	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.6-08]	Biên bản kiểm tra tài chính hàng năm	Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.7-02]	Danh sách giáo viên, nhân viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.7-03]	Quyết định phân công giảng dạy, nhiệm vụ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	4	[H1-1.7-04]	Đề án vị trí việc làm	Năm 2016, 2019	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H1-1.7-05]	Bảng lương của cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H1-1.7-06]	Bảng chi thu nhập tăng thêm của cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm	Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	7	[H1-1.7-07]	Quyết định khen thưởng giáo viên, nhân viên hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.7-08]	Hồ sơ khám sức khỏe giáo viên, nhân viên hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Nhân viên Yte	Phòng Yte

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.8-02]	Thời khóa biểu	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.8-03]	Sổ ghi đầu bài	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.8-04]	Báo cáo tổng kết năm học	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H1-1.8-05]	Hồ sơ dạy thêm học thêm	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H1-1.8-06]	Quyết định công nhận kết quả tập thể hằng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cấp tổ	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ công chức - viên chức cấp trường	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.9-04]	Quy chế dân chủ cơ sở	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	5	[H1-1.9-05]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H1-1.9-06]	Biên bản họp hội đồng sư phạm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	7	[H1-1.9-07]	Biên bản công khai Quy chế dân chủ cơ sở	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.9-08]	Hồ sơ tiếp công dân	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ.	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H1-1.10-02]	Kế hoạch vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh.	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ bán trú theo quy định	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H1-1.10-05]	Lịch công tác	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H1-1.10-06]	Quy chế tiếp công dân, lịch tiếp, sổ ghi biên bản	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	7	[H1-1.10-07]	Báo cáo công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	8	[H1-1.10-08]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường với Công an thành phố Thủ Đức/ phường Linh Xuân về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Số 62/QCPH ngày 14/3/2017	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	9	[H1-1.10-09]	Giấy khen đơn vị đảm bảo an ninh quốc phòng	Năm học 2020-2021	Công an Thủ Đức	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ cán bộ công chức của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng theo quy định	Theo cá nhân	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H2-2.1-02]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Theo nhiệm kỳ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ
	3	[H2-2.1-03]	Kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	4	[H2-2.1-04]	Chứng chỉ đã qua các lớp bồi dưỡng: CDNN hạng II, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, bồi dưỡng kiến thức QPAN	Hàng năm	Các nơi đào tạo chứng chỉ, bồi dưỡng	Phòng lưu trữ
	5	[H2-2.1-05]	Văn bằng chứng chỉ về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị	Hàng năm	Các nơi đào tạo chứng chỉ, bồi dưỡng	Phòng lưu trữ
	6	[H2-2.1-06]	Kết quả chính trị hè hàng năm	Năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Thủ Đức	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Danh sách giáo viên của trường có đầy đủ thông tin theo ePMIS	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H2-2.2-02]	Phân công chuyên môn	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H2-2.2-03]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H2-2.2-04]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp của giáo viên	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H2-2.2-05]	Danh sách giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H2-2.2-06]	Kế hoạch tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động thiện nguyện	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	7	[H2-2.2-07]	Kế hoạch tổ chức các cuộc thi: Tên lửa nước, đua xe thể năng	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	8	[H2-2.2-08]	Hồ sơ hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	9	[H2-2.2-09]	Kết quả các cuộc thi khoa học kỹ thuật, Tin học MOS, Robot	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	10	[H2-2.2-10]	Kết quả đánh giá xếp loại viên chức hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	11	[H2-2.2-11]	Bảng tổng hợp đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên giáo viên hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	12	[H2-2.2-12]	Kết quả cuộc thi Ứng dụng CNTT cơ bản của cán bộ, giáo viên, nhân viên	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	13	[H2-2.2-13]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên học cao học, trung cấp chính trị hành chính	Hằng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động của nhân viên	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H2-2.3-02]	Các văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm của nhân viên	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Các nơi đào tạo văn bằng, chứng chỉ, bồi dưỡng	Phòng lưu trữ
	3	[H2-2.3-03]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá thi đua của cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H2-2.3-04]	Danh sách nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn	Hằng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Sổ đăng bộ	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H2-2.4-02]	Phần mềm quản lý học sinh	Hằng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H2-2.4-03]	Nội qui học sinh	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H2-2.4-04]	Kế hoạch tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường và học sinh	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H2-2.4-05]	Danh sách học sinh được miễn giảm học phí, nhận học bổng khuyến học	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H2-2.4-06]	Kế hoạch tổ chức khám sức khỏe cho học sinh	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	7	[H2-2.4-07]	Hồ sơ chuyển trường	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	8	[H2-2.4-08]	Sổ cập nhật học sinh vi phạm hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	9	[H2-2.4-09]	Thang điểm đánh giá hạnh kiểm học sinh hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	10	[H2-2.4-10]	Quyết định khen thưởng học sinh đạt thành tích trong học tập, hoạt động phong trào	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Chứng nhận quyền sử dụng đất, bàn giao tài sản, nhà trường	Năm 2014	Sở TNMT	Phòng lưu trữ
	2	[H3-3.1-02]	Ảnh chụp khuôn viên của nhà trường.	Hằng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh cổng, biển tên trường, tường rào.	Hằng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
	4	[H3-3.1-04]	Danh mục các thiết bị luyện tập thể dục thể thao, hồ sơ mua sắm và báo cáo thiết bị thể dục thể thao hàng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	5	[H3-3.1-05]	Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường.	Hằng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Sơ đồ các phòng học của nhà trường.	Hằng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, thư viện, phòng đoàn thể, phòng truyền thống, phòng vi tính...	Hàng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh phòng tư vấn tâm lý	Hàng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Sơ đồ khu vực để xe giáo viên, học sinh trong trường	Hàng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
	2	[H3-3.3-02]	Báo cáo kinh phí và kế hoạch mua sắm, sửa chữa thiết bị	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H3-3.3-03]	Sổ quản lý tài sản	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Sơ đồ bố trí nhà vệ sinh giáo viên và học sinh	Hằng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Phòng lưu trữ
	2	[H3-3.4-02]	Chứng nhận có nguồn nước sạch của ngành y tế.	Hằng năm	Trung tâm y tế dự phòng Thành phố Thủ Đức	Phòng lưu trữ
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng cung cấp nước sạch	Theo năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H3-3.4-04]	Hợp đồng thu gom rác sinh hoạt	Theo năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh mục thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H3-3.5-02]	Sổ đăng ký mượn đồ dùng dạy học	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H3-3.5-03]	Báo cáo mua sắm và danh mục thiết bị mua sắm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H3-3.5-04]	Hợp đồng Internet	Theo năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục sách, báo và tài liệu tham khảo được bổ sung	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H3-3.6-02]	Kế hoạch hoạt động thư viện	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Nhân viên Thư viện	Phòng lưu trữ
	3	[H3-3.6-03]	Giới thiệu sách, chuyên đề hàng tháng	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Nhân viên Thư viện	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	4	[H3-3.6-04]	Báo cáo kết quả hoạt động thư viện	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Nhân viên Thư viện	Phòng lưu trữ
	5	[H3-3.6-05]	Sổ sách, chứng từ chi cho mua sắm sách, tài liệu, báo...	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	6	[H3-3.6-06]	Biên bản tự kiểm tra của trường và kiểm tra chéo hoạt động thư viện của cụm chuyên môn	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Nhân viên Thư viện	Phòng lưu trữ
	7	[H3-3.6-07]	Quyết định công nhận Thư viện đạt chuẩn	Hằng năm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng lưu trữ
	8	[H3-3.6-08]	Hình ảnh khuôn viên Thư viện	Hằng năm	Nhân viên Thư viện	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Giáo viên chủ nhiệm	Phòng lưu trữ
	2	[H4-4.1-02]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh trường	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng lưu trữ
	3	[H4-4.1-03]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng lưu trữ
	4	[H4-4.1-04]	Báo cáo về hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng lưu trữ
	5	[H4-4.1-05]	Biên bản các cuộc họp cha mẹ học sinh	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Giáo viên chủ nhiệm	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	6	[H4-4.1-06]	Hồ sơ công tác tài chính Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ tài trợ giáo dục	Hằng năm	Kế toán	Phòng lưu trữ
	2	[H4-4.2-02]	Kế hoạch tuyên truyền/hình ảnh	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Đoàn thanh niên	Phòng lưu trữ
	3	[H4-4.2-03]	Biên bản phối hợp Công an/ Y tế	Hằng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H4-4.2-04]	Hình ảnh Đoàn thanh niên đi thăm tình nguyện	Hằng năm	Đoàn trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Hồ sơ các tiết thao giảng, thi giáo viên giỏi, các chuyên đề	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H5-5.1-02]	Bài kiểm tra của học sinh theo quy định các môn, đề kiểm tra học kỳ các môn	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn	Phòng lưu trữ
	3	[H5-5.1-03]	Danh sách học sinh giỏi lớp 12; đạt huy chương Olympic tháng 4 và các cuộc thi cấp thành phố	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn	Phòng lưu trữ
	4	[H5-5.1-04]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch tổ chức hoạt động của các câu lạc bộ	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H5-5.2-02]	Bằng khen/giấy khen MOS	2019, 2020	Thành Đoàn	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch giảng dạy lồng ghép giáo dục địa phương của trường	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H5-5.3-02]	Giáo án về nội dung giáo dục địa phương từng môn học	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Tổ trưởng chuyên môn	Phòng lưu trữ
	3	[H5-5.3-03]	Kế hoạch về nguồn	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H5-5.3-04]	Hình ảnh tuyên truyền giáo dục địa phương	Hằng năm	Phó Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 12	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch tổ chức ngoại khóa, trải nghiệm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	3	[H5-5.4-03]	Kế hoạch dạy nghề	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H5-5.4-04]	Quyết định khen thưởng học sinh tham gia các hoạt động	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống, tư vấn tâm lý	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H5-5.5-02]	Hình ảnh các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, tư vấn tâm lý, giáo dục giới tính...	Hàng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (nơi lưu trữ)
	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh các hội thi văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian.	Hằng năm	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	4	[H5-5.5-04]	Kết quả cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp trường, cấp thành phố	Hằng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn	Phòng lưu trữ
	5	[H5-5.5-05]	Hình ảnh các mô hình thiết kế của học sinh (STEM)	Hằng năm	Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn	Phòng lưu trữ
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm học sinh	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ
	2	[H5-5.6-02]	Danh sách học sinh tốt nghiệp hằng năm	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng lưu trữ